

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

---***---

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2017.

*“ Về việc Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn giữa anh Đ và chị T”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Huệ.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Xuân Tiêu.**

2. Ông **Hứa Viết Hồ.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Ma Thị Kim** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án ly hôn thụ lý số: 39/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Hoàng Linh Đ**, sinh năm 1984(*Có mặt tại phiên tòa*).

Địa chỉ: Thôn An Khang, xã Tân An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Chị **Hà Thị T**, sinh năm 1989 (*Có mặt tại phiên tòa*).

Địa chỉ: Thôn An Khang, xã Tân An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn anh Hoàng Linh Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đ và chị Hà Thị T do hai bên tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã Tân An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh Đ và chị T chung sống tại thôn An Khang, xã Tân An, huyện Chiêm Hóa. Anh Đ và chị T chung sống hòa thuận đến 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình anh Đ và chị T không hợp nhau, thường xuyên cãi chửi, không quan tâm đến nhau, chị T nhiều lần bỏ nhà đi rồi lại về. Lần cuối cùng

chị T bỏ nhà đi từ tháng 3/2016 đến nay không về và vợ chồng sống ly thân từ đó. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ xin ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Anh Đ và chị T có hai con chung là Hoàng Thị Hoài T, sinh ngày 18/7/2009 và Hoàng Thị Kim T, sinh ngày 17/7/2012 (hiện nay hai con chung đang ở với anh Đ). Nay ly hôn anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết; *Về nợ chung:* Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Đ tự nguyện hỗ trợ khó khăn sau ly hôn cho chị T là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 28 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình giải quyết bị đơn chị Hà Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Đ do hai bên tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã Tân An, huyện Chiêm Hóa. Sau khi kết hôn anh Đ và chị T chung sống tại thôn An Khang, xã Tân An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc về sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T không sinh được con trai, anh Đ nghe lời mẹ đẻ nên quay ra lạnh nhạt với chị T, anh Đ không quan tâm đến chị. Nay anh Đ làm đơn xin ly hôn, chị T không nhất trí ly hôn chị yêu cầu được đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Chị T và anh Đ có hai con chung là Hoàng Thị Hoài T, sinh ngày 18/7/2009 và Hoàng Thị Kim T, sinh ngày 17/7/2012 (hiện nay hai con chung đang ở với anh Đ). Nếu phải ly hôn chị T nhất trí để hai con cho anh Đ nuôi dưỡng và chị T không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ.

Về chia tài sản: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. *Về nợ chung:* Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trường hợp anh Đ một mực muốn ly hôn với chị T thì anh Đ phải hỗ trợ khó khăn sau ly hôn cho chị T số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa anh Đ giữ nguyên ý kiến trong quá trình đã giải quyết tại Tòa án: Về hôn nhân: Anh Đ xin ly hôn với chị T. Về nuôi con chung: Anh Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn; Về chia tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có. Anh Đ tự nguyện hỗ trợ khó khăn sau ly hôn cho chị T là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên quan điểm của mình đã giải quyết tại Tòa: Về hôn nhân: Chị T không nhất trí ly hôn với anh Đ, chị T yêu cầu được đoàn tụ; Về con chung nếu phải ly hôn chị T nhất trí để anh Đ nuôi dưỡng hai con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn; Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có. Chị T yêu cầu anh Đ hỗ trợ khó khăn sau ly hôn cho chị T là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử,

Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Anh Đ và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân An năm 2009, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T là hợp pháp. Quá trình chung sống mâu thuẫn giữa anh Đ và chị T đã nảy sinh và sống ly thân từ tháng 3 năm 2016 đến nay. Mâu thuẫn giữa anh Đ và chị T đã trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết theo hướng chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đ, cho anh Đ ly hôn với chị T. Bác yêu cầu đoàn tụ của chị T.

Về nuôi con chung: Quá trình giải quyết tại Tòa án anh Đ và chị T đã thống nhất giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho anh Đ được quyền nuôi dưỡng 02 con chung Hoàng Thị Hoài T, sinh ngày 18/7/2009 và Hoàng Thị Kim T, sinh ngày 17/7/2012 (hiện nay hai con chung đang ở với anh Đ). Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về chia tài sản: Do anh Đ và chị T không đề nghị Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với khoản hỗ trợ khó khăn sau ly hôn: Chị T yêu cầu anh Đ hỗ trợ khó khăn sau ly hôn là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), anh Đ chỉ nhất trí mức hỗ trợ 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Xét thấy việc chị T yêu cầu anh Đ hỗ trợ khó khăn là quá cao, gia đình anh Đ thuộc diện hộ nghèo mức thu nhập bình quân là 700.000đ/người/tháng. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận mức hỗ trợ khó khăn của anh Đ là 14.000.000đ. Bác một phần yêu cầu hỗ trợ khó khăn sau ly hôn của chị T.

Về án phí: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Linh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T là hợp pháp, hai bên tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã Tân An, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết và điều tra xác minh thấy rằng: Anh Đ và chị T chung sống đến năm 2012 có xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không hiểu nhau, không quan tâm đến nhau nên đã xảy ra cãi vã, xô xát trong cuộc sống. Anh Đ sống ly thân với chị T từ tháng 3/2016 đến nay. Chị T có nguyện vọng đoàn tụ với anh Đ, tuy nhiên chị T không về chung sống cùng anh Đ, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị T là trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài. Việc xin đoàn tụ của chị T không phải xuất phát từ mong muốn tạo lập một gia đình vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, yêu thương, quý trọng nhau mà chỉ muốn ràng buộc anh Đ. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 28, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Hoàng Linh Đ, cho anh Đ được ly hôn với chị Hà Thị T. Bác yêu cầu xin đoàn tụ của chị T.

- *Về nuôi con chung*: Anh Đ và chị T có một hai chung là Hoàng Thị Hoài T, sinh ngày 18/7/2009 và Hoàng Thị Kim T, sinh ngày 17/7/2012 (hiện nay hai con chung đang ở với anh Đ). Quá trình giải quyết tại Tòa án anh Đ và chị T đã thống nhất để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận trách nhiệm nuôi con chung của anh Đ và chị T là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Vì vậy cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho anh Hoàng Linh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Hoàng Thị Hoài Th, sinh ngày 18/7/2009 và Hoàng Thị Kim T, sinh ngày 17/7/2012 (hiện nay hai con chung đang ở với anh Đ), chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ. Chị Hà Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về chia tài sản: Do anh Đ và chị T không đề nghị Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về nợ chung: Không có. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với phần hỗ trợ khó khăn sau ly hôn: Tại phiên tòa chị T yêu cầu anh Đ hỗ trợ 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), anh Đ tự nguyện hỗ trợ khó khăn sau ly hôn cho chị T là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy sau ly hôn chị T chưa có nơi ở ổn định, Chị T cần có điều kiện để tạo dựng nơi ở mới, nhưng chị T yêu cầu anh Đ hỗ trợ khó khăn là quá cao, gia đình anh Đ và chị T thuộc diện hộ nghèo mức thu nhập bình quân là 700.000/người/tháng, vì vậy cần áp dụng Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận một phần hỗ trợ khó khăn sau ly hôn để chị T tạo dựng nơi ở mới, buộc anh Đ phải hỗ trợ cho chị T là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Bác một phần yêu cầu của chị T.

- *Về án phí*: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Linh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ; Điều 357 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử :

1. **Về hôn nhân:** Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Hoàng Linh Đ, cho anh Đ được ly hôn với chị Hà Thị T. Bác yêu cầu đoàn tụ của chị Hà Thị T.

2. **Về con chung:** Giao cho anh Hoàng Linh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Hoàng Thị Hoài T, sinh ngày 18/7/2009 và Hoàng Thị Kim T, sinh ngày 17/7/2012 (hiện nay hai con chung đang ở với anh Đ), chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Chị Hà Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. **Hỗ trợ khó khăn sau ly hôn:** Buộc anh Hoàng Linh Đ phải hỗ trợ khó khăn sau ly hôn cho chị Hà Thị T là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. **Về án phí :** Anh Hoàng Linh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Anh Đ đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002115 ngày 13/3/2017, nay được chuyển thành tiền án phí (anh Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/7/2017)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Huệ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Tiểu - Hứa Viết Hồ

Lương Thị Huệ

